| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 55/2020/DS-PT
Ngày 10-9-2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu hủy một phần Giấy CNQSDĐ, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

*Các Thẩm phán:* Bà Chu Lệ Hường;

Ông Phạm Văn Tuệ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Ông Lộc Văn Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2020/TLPT-DS, ngày 10 tháng 8 năm 2020 về Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, danh dự, uy tín).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2020/QĐ-PT ngày 18-8-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/QĐ-PT ngày 03-9-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nông Văn L; cư trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hoàng Văn Th; cư trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Phương T, Phó trưởng phòng T huyện L (theo Quyết định về việc

ủy quyền tham gia tố tụng vụ án dân sự số 503/QĐ-UBND ngày 18/02/2020); vắng mặt.

2. Bà Vi Thị Đ; có mặt

3. Anh Nông Văn M; có mặt

4. Anh Nông Văn T; có mặt

Cùng cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;

5. Anh Hoàng Văn T; có mặt

6. Anh Hoàng Văn V; có mặt

7. Anh Hoàng Văn S; có mặt

8. Anh Hoàng Văn V1; có mặt

Cùng cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;

9. Chị Nông Thị L; cư trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

10. Chị Nông Thị La; cư trú tại: Thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

11. Chị Nông Thị V1; cư trú tại: Khu S, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

12. Bà Trịnh Thị P; cư trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

13. Chị Hoàng Thị P; cư trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

14. Chị Nông Thị V; cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

15. Chị Nông Thị Th; cư trú tại: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

16. Chị Nông Thị L; cư trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

17. Chị Nông Thị X; cư trú tại: Bản H, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Đức H; có mặt.

2. Ông Vy Văn A; có mặt.

3. Ông Vy Sỹ Ph; có mặt.

4. Anh Hoàng Văn H; vắng mặt.

5. Ông Tăng Văn C; vắng mặt.

6. Ông Tăng Văn Q; vắng mặt.

7. Ông Đặng Văn K; vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người kháng cáo:* Ông Hoàng Văn Th là bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nội dung đơn khởi kiện và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, kết quả đo đạc thể hiện tại Mảnh trích đo khu đất tranh chấp số 03-2020 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Công ty T - chi nhánh Lạng Sơn; ông Nông Văn L, ông Hoàng Văn Th tranh chấp với nhau quyền quản lý, sử dụng 1.757m$^2$ đất và cây trồng trên đất gồm 73 cây thông, 04 cây trẩu; trong đó có 31 cây thông, 03 cây trẩu trồng trên khu đất có diện tích 832m$^2$ thuộc một phần diện tích thửa đất số 592 và 42 cây thông, 01 cây trẩu được trồng trên khu đất có diện tích 925m$^2$ thuộc một phần diện tích thửa đất số 594 cùng tờ bản đồ số 02; địa chỉ tại Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Nguyên đơn là ông Nông Văn L trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do bố mẹ ông Nông Văn L quản lý, sử dụng từ năm 1977, sau khi bố mẹ chết, ông là người trực tiếp quản lý sử dụng, khai thác cây trồng trên diện tích đất rừng nói trên; cụ thể ông Nông Văn L đã 02 lần khai thác gỗ và tiến hành trồng dặm, cạo nhựa thông trên diện tích đất rừng mình quản lý. Năm 2009 ông Nông Văn L làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa đất số 592 tờ bản đồ số 02 (gọi tắt là thửa 592) đến ngày 10-8-2011 thì được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Lộc Bình cấp GCNQSDĐ. Từ năm 2011 ông bị ốm, các con đi làm ăn xa nên không đi thăm và khai thác rừng được, đến tháng 6 năm 2019 ông đi thăm rừng thì phát hiện gia đình ông Hoàng Văn Th đã khai thác nhựa đối với 70 cây thông của ông nên từ đó phát sinh tranh chấp. Vì vậy, ông Nông Văn L khởi kiện yêu cầu được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp, yêu cầu được sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất tranh chấp, yêu cầu ông Hoàng Văn Th bồi thường thiệt hại là trị giá nhựa thông mà ông Hoàng Văn Th đã khai thác trong 03 năm với tổng số tiền là 31.500.000 đồng; yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn Th đối với phần diện tích đất đang tranh chấp.

Theo bị đơn là ông Hoàng Văn Th trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất 594 tờ bản đồ số 02 có địa danh là P thuộc Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa 594) mà gia đình ông được Nhà nước giao để thực hiện trồng rừng theo dự án 327 từ năm 1993. Năm 1994 ông bắt đầu trồng thông cho đến năm 2005 thì được khai thác nhựa. Năm 2011, ông đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất 594 mang tên hộ ông Hoàng Văn Th và bà Trịnh Thị P (trong GCNQSDĐ ghi Trịnh Thị B). Vì vậy, ông Hoàng Văn Th không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn L.

Ngày 12-5-2020, Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã thụ

lý yêu cầu phản tố của ông Hoàng Văn Th, cụ thể: Ông Hoàng Văn Th yêu cầu ông Nông Văn L phải bồi thường cho ông Hoàng Văn Th tổng số tiền là 12.300.000 đồng bao gồm: Tiền bồi thường danh dự cho ông Hoàng Văn Th do phải tham gia tố tụng tại Tòa án là 3.000.000 đồng; bồi thường chi phí đi lại cho 04 người con trai của ông là anh Hoàng Văn V, anh Hoàng Văn V1, anh Hoàng Văn T, anh Hoàng Văn S là 3.000.000 đồng; tiền mất thu nhập từ việc khai thác nhựa đối với 70 cây thông do ông Hoàng Văn Th trồng là 6.300.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn (vợ, con và chị em của ông Nông Văn L) là bà Vi Thị Đ, anh Nông Văn M, anh Nông Văn T, chị Nông Thị X, bà Nông Thị L, bà Nông Thị V, bà Nông Thị Th, bà Nông Thị L, bà Nông Thị La, bà Nông Thị V1; nhất trí với ý kiến của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn là vợ và các con của ông Hoàng Văn Th gồm bà Trịnh Thị P, anh Hoàng Văn T, anh Hoàng Văn V, anh Hoàng Văn S, anh Hoàng Văn V1: Nhất trí với ý kiến của ông Hoàng Văn Th, đề nghị Tòa án giải quyết công minh theo đúng GCNQSDĐ mà gia đình ông Hoàng Văn Th đã được cấp.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, cho biết: Việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 592, tờ bản đồ số 02, địa danh Đ, Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho ông Nông Văn L và cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 594 số tờ 02, địa danh P, Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho gia đình ông Hoàng Văn Th là đúng trình tự thủ tục, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nông Văn L thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ông Nông Văn L yêu cầu được quản lý, sử dụng 832m$^2$ đất thuộc một phần thửa đất 592, địa danh là đồi Đ, Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn mà ông đã được cấp GCNQSDĐ và yêu cầu được sở hữu cây trồng trên đất gồm 31 cây thông, 03 cây trẩu; ông Nông Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với 925m$^2$ đất thuộc một phần thửa đất 594 đã được cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông Hoàng Văn Th và cây trồng trên diện tích đất nói trên; không yêu cầu ông Hoàng Văn Th bồi thường 31.500.000 đồng tương ứng với trị giá nhựa thông mà ông Hoàng Văn Th đã khai thác trong 03 năm; không yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn Th. Bị đơn là ông Hoàng Văn Th rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Với những nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 30-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1, 5 Điều 147; khoản 1, 4 điều 157, khoản 1 điều 158, 163, 165, 227 các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 13, 90, 98, 100, 166 của Luật đất đai năm 2013; Các Điều 584, 589, 592 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nông Văn L: Ông Nông Văn L được quản lý sử dụng 832m$^2$ đất và tài sản trên đất tranh chấp gồm 31 cây thông, 03 cây trẩu thuộc một phần thửa số 592, tờ bản đồ số 02 đại danh Đ, Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00446 ngày 10-8-2011 mang tên ông Nông Văn L (có sơ họa kèm theo).

Buộc gia đình ông Hoàng Văn Th chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất nói trên.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nông Văn L về việc: Yêu cầu đòi quản lý sử dụng 925m$^2$ đất và tài sản trên đất gồm 01 cây trẩu và 42 cây thông thuộc một phần thửa đất 594, tờ bản đồ số 02, tại địa danh P, Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; đã được cấp GCNQSDĐ số CH 00722 ngày 10-8-2011 mang tên hộ ông Hoàng Văn Th và bà Trịnh Thị B (P) (có sơ họa kèm theo). Yêu cầu hủy một phần một phần GCNQSDĐ số CH 00722 ngày 10-8-2011 mang tên hộ ông Hoàng Văn Th và bà Trịnh Thị B (P). Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 31.500.000 đồng,

3. Đình chỉ giải quyết đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hoàng Văn Th về việc đòi ông Nông Văn L bồi thường tổng số tiền là 12.300.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu lãi chậm trả, nghĩa vụ án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Hoàng Văn Th có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 30-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận  yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn L; công nhận gia đình ông Hoàng Văn Th có quyền quản lý, sử dụng 832m$^2$ đất và tài sản gắn liền với đất; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xem xét, thẩm định lại đối với diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 594, tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hoàng Văn Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do diện tích đất tranh chấp thuộc một phần diện tích thửa đất số 594 tờ bản đồ số 02 mà gia đình ông đã quản lý sử dụng từ năm 1994 và được cấp GCNQSDĐ vào năm 2011.

Ngoài ra, ông Hoàng Văn Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn T, anh Hoàng Văn V, anh Hoàng Văn S, anh Hoàng Văn V1 trình bày: Ông Hoàng Văn Th yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất thuộc thửa đất số 594 tờ bản đồ số 02 khu đồi P, Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ mà Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành không phù hợp thực tế. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xem xét thẩm định lại toàn bộ thửa đất số 594 tờ bản đồ số 02 mà gia đình ông Hoàng Văn Th đã được cấp GCNQSDĐ; đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn Th.

Ông Nông Văn L trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ có sự tham gia của ông Hoàng Văn Th và các con của ông Hoàng Văn Th, cùng sự chứng kiến của đại diện thôn, xã; đại diện hai bên gia đình đã chỉ ranh giới phần đất mà mình đang quản lý sử dụng để cán bộ chuyên môn đo vẽ; vì vậy việc gia đình ông Hoàng Văn Th cho rằng kết quả xem xét thẩm định tại chỗ mà Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện không phù hợp thực tế là không có căn cứ. Diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất 592 mà ông đã được cấp GCNQSDĐ, vì vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn Th.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở để khẳng định 832m$^2$ đất tranh chấp và tài sản gắn liền với diện tích đất tranh chấp gồm 31 cây thông, 03 cây trẩu thuộc một phần thửa số 592, tờ bản đồ số 02 đại danh Đ, Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, đã được cấp GCNQSDĐ mang tên ông Nông Văn L. Mặt khác, ông Hoàng Văn Th không có căn cứ chứng minh việc gia đình ông đã trồng cây trên diện tích đất nói trên. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn L là có căn cứ. Việc ông Hoàng Văn Th kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét thẩm định tại chỗ lại đối với toàn bộ thửa đất 594 tờ bản đồ số 02 là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn Th, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 30-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn là bà Phạm Thị Phương T, bà Trịnh Thị P, chị Hoàng Thị P, chị Nông Thị V, chị Nông Thị Th, chị Nông Thị L, chị Nông Thị X và vắng mặt người làm chứng là các ông Tăng Văn C, ông Tăng Văn Q, ông Đặng Văn K và anh Hoàng Văn H. Xét thấy, đây là phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đã lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có tên nói trên.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ với sự có mặt của các đương sự, đại diện cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Hoàng Văn T thừa nhận anh là người dẫn đạc, chỉ ranh giới, mốc giới phần diện tích đất mà gia đình anh đang quản lý sử dụng cho cán bộ chuyên môn đo vẽ. Lời khai của anh

Hoàng Văn T phù hợp với lời khai của ông Nông Văn L, phù hợp lời khai của người làm chứng.

[3] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cho các bên đương sự nhận diện, xác định ranh giới tiếp giáp của thửa đất 592 với các thửa đất liền kề thể hiện tại Mảnh trích đo khu đất tranh chấp số 03-2020 do Công ty T - chi nhánh Lạng Sơn đo vẽ ngày 04-5-2020 (BL 161, 211). Kết quả, các đương sự và người làm chứng có mặt tại phiên tòa thừa nhận ranh giới tiếp giáp giữa thửa đất 592 với thửa 609 của ông Hoàng Văn H là cây bạch đàn, ranh giới tiếp giáp giữa thửa 592 với thửa 597 của ông Tăng Văn C là bụi cây gai, ranh giới tiếp giáp giữa thửa đất 594 với thửa 592 của ông Nông Văn L là đường nối các điểm A9-A8-A7-A4 thể trên mảnh trích đo.

[4] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ bằng phương pháp đo máy định vị vệ tinh theo sự chỉ dẫn xác định vị trí, ranh giới của các đương sự tại thực địa; kết quả đo đạc thực địa được máy tính tự động chồng ghép lên bản đồ địa chính đất lâm nghiệp (khu vực đất đang có tranh chấp). Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ trùng khớp với kết quả mà người tham gia tố tụng nhận diện trên mảnh trích đo, phù hợp với lời trình bày của các đương sự và người làm chứng cùng tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, việc bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định lại là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo yêu cầu được quản lý sử dụng đất tranh chấp và tài sản gắn liền với diện tích đất tranh chấp:

[6] Ông Nông Văn L và ông Hoàng Văn Th đều được cấp GCNQSDĐ cùng một thời điểm đối với 02 thửa đất ở hai địa danh khác nhau; hồ sơ cấp GCNQSDĐ có biên bản xác định ranh giới, mốc giới đối với các chủ sử dụng đất liền kề. Mặt khác, những người làm chứng có mặt tại phiên tòa đều khẳng định thửa 592 có tên địa danh là đồi Đ, thửa 594 có tên địa danh là đồi P và thửa đất 594 thuộc dự án 327 còn thửa 592 không thuộc dự án 327. Bên cạnh đó, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn xác định không lấn chiếm đất sang thửa 592 của ông Nông Văn L và yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất thuộc thửa 594. Do đó, có cơ sở để khẳng định không có việc trồng lấn khi cấp GCNQSDĐ đối với thửa 592 và 594 cho ông Nông Văn L và hộ ông Hoàng Văn Th.

[7] Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài lời trình bày của mình ông Hoàng Văn Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía ông Hoàng Văn Th không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh 832m$^2$ đất tranh chấp thuộc thửa đất số 594, không chứng minh được việc gia đình ông Hoàng Văn Th trồng cây trên diện tích đất tranh chấp nói trên. Do đó, không có căn cứ để xác định diện tích đất đang tranh chấp thuộc thửa 594 đã được cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Hoàng Văn Th và cây trồng trên đất tranh chấp là của ông Hoàng Văn Th. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của ông Nông Văn L là phù hợp pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn Th.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 14.000.000 đồng. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, ông Nông Văn L rút một phần yêu cầu khởi kiện, vì vậy ông Nông Văn L phải chịu 7.110.000 (bẩy triệu một trăm mười nghìn) đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tương ứng với phần giá trị tài sản mà ông Nông Văn L đã rút yêu cầu khởi kiện. Ông Hoàng Văn Th phải chịu 6.890.000 (sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn) đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối tương ứng với phần giá trị tài sản mà nguyên được được chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Do ông Nông Văn L đã chi trả toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Hoàng Văn Th phải hoàn trả cho ông Nông Văn L số tiền 6.890.000 (sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn) đồng là có căn cứ.

[9] Về án phí: Ông Hoàng Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm nhưng do ông Hoàng Văn Th là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn giảm án phí nên Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Hoàng Văn Th. Ông Nông Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho ông Nông Văn L.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1, 5 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1,4 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1,4 Điều 165, Điều 166, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 163, 164, 166, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 3, các Điều 100, 166, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn Th; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 30-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1 Về yêu cầu quản lý sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nông Văn L:

1.1 Ông Nông Văn L được quyền quản lý, sử dụng 832m$^2$ đất thuộc một phần thửa đất số 592, tờ bản đồ số 02 địa danh Đ, Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00446 ngày 10-8-2011 mang tên ông Nông Văn L.

Diện tích đất nói trên được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1-A2-A3-A4-A7-A8-A1, có độ dài các cạnh và tứ cận tiếp giáp cụ thể như sau:

Phía Bắc, phía Đông và phía Nam giáp phần còn lại của thửa số 592, tờ bản đồ số 02 của ông Nông Văn L có cạnh dài: 30m + 41,5m + 15m + 20,8m;

Phía Tây Nam giáp thửa đất số 594, tờ bản đồ số 02 của ông Hoàng Văn Th có cạnh dài: 40,1m + 7,2m;

*(Theo Mảnh trích đo khu đất tranh chấp số 03-2020, ngày 04-5-2020 kèm theo)*

Ông Nông Văn L được quyền quản lý, sử dụng, khai thác 31 cây thông, 03 cây trẩu trên diện tích đất đã nêu tại mục 1.1.

1.2 Buộc ông Hoàng Văn Th, bà Trịnh Thị P, anh Hoàng Văn T, anh Hoàng Văn V1, anh Hoàng Văn S, anh Hoàng Văn V chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất đã nêu tại mục 1.1.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nông Văn L, cụ thể:

2.1 Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nông Văn L về việc đòi quản lý, sử dụng 925m$^2$ đất và tài sản trên đất gồm 01 cây trẩu và 42 cây thông thuộc một phần thửa đất 594, tờ bản đồ số 02, tại địa danh P, Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; đã được cấp GCNQSDĐ số CH 00722 ngày 10-8-2011 mang tên hộ ông Hoàng Văn Th và bà Trịnh Thị B (P)

Diện tích đất nêu tại mục 2.1 được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A4-A5-A6-A8-A7-A4, có độ dài các cạnh và tứ cận tiếp giáp được thể hiện tại mảnh trích đo khu đất tranh chấp số 03-2020, ngày 04-5-2020 *(kèm theo).*

2.2 Đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy một phần một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00722 ngày 10-8-2011 mang tên hộ ông Hoàng Văn Th và bà Trịnh Thị B (P) của ông Nông Văn L đối với diện tích đất nêu tại mục 2.1

2.3 Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nông Văn L về việc đòi ông Hoàng Văn Th bồi thường thiệt hại về tài sản với tổng số tiền là 31.500.000 (ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn) đồng.

3. Đình chỉ giải quyết đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Hoàng Văn Th về việc yêu cầu ông Nông Văn L bồi thường thường danh dự, chi phí đi lại, thiệt hại về tài sản, với tổng số tiền là 12.300.000 (mười hai triệu ba trăm nghìn) đồng.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá:

Ông Nông Văn L phải chịu 7.110.000 (bẩy triệu một trăm mười nghìn) đồng, ông Hoàng Văn Th phải chịu 6.890.000 (sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn) đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá

Buộc ông Hoàng Văn Th phải hoàn trả cho ông Nông Văn L 6.890.000 (sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn) đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

5. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án

chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

Ông Hoàng Văn Th được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nông Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại ông Nông Văn L 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là mà ông Nông Văn L đã nộp theo Biên lai thu tạm án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/05687 ngày 06/01/2020 tại Chi cục T huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CC T H. L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Thùy**